

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/ 9/2020

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mùi.

Bà Vũ Thị Ngọc Tươi.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại hội trường D - TAND tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án HNGĐ - ST đã thụ lý số 53/HNGĐ-ST ngày 19/6/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà P, sinh năm 1991.

HKTT: X1, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0964983104

- Bị đơn: Ông S, sinh năm: 1985. Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: X2, Y2, U.S.A.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/9/2020, nguyên đơn bà P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông S qua một thời gian tự tìm hiểu từ năm 2014 đến tháng 4/2015 hai người thương yêu nhau thật lòng đã quyết định kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 310, quyển số 02/2015 ngày 02/4/2015. Hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung được gần 4 tháng thì ông S trở lại Mỹ làm việc và có quay trở lại Việt Nam thăm Bà P được 02 lần; kể từ năm 2018 đến nay bà không còn liên lạc với ông S chồng bà. Quá trình chung sống hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng về ngôn ngữ, khoảng cách địa lý nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Bà nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân này mặc dù đã tìm cách cứu vãn. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà

yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Về nợ chung, tài sản chung, con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa đã được hợp pháp hóa lãnh sự của bị đơn ông S:

Ông S và bà P quen nhau từ tháng 01/2014 đến tháng 4/2015 thì cả hai đi đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 310 quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/4/2015. Sau khi kết hôn ông về Mỹ tiếp tục công việc thường ngày và có gửi tiền về cho bà P. Do đời sống vợ chồng gặp nhiều khó khăn phát sinh mâu thuẫn tính cách không hợp. Hơn nữa do cản trở về địa lý ở xa không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, ông S không còn tình cảm thương yêu Bà P, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay Bà P xin ly hôn ông S đồng ý xin Tòa giải quyết cho ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung, con chung không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Việc đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử cho đến khi Tòa án ban hành bằng một bản án có hiệu lực ông cam kết đồng ý với kết quả bản án. Việc tổng đạt bản án và các văn bản tố tụng khác ông đề nghị Tòa tổng đạt trực tiếp cho Bà P. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý cho bà P ly hôn đối với ông S; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên các bên không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà P nộp đơn xin ly hôn đối với chồng là ông S đang sống và có quốc tịch Mỹ (Hòa Kỳ) đồng thời ông S đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến gửi về Việt Nam được pháp hóa lãnh sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông S cũng có đơn xin xét xử vắng mặt được hợp pháp hóa lãnh sự nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt Bà P và ông S.

[3] Về nội dung vụ án: Bà P kết hôn với ông S chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 310, ngày 06/4/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng tính cách không hợp nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn mặc dù hai người đã tìm cách cứu vãn cuộc hôn nhân. Do khoảng cách địa lý ở xa sau khi kết hôn hai người sống chung được gần 4 tháng thì ông S phải quay lại Mỹ làm việc cho nên không có nhiều thời gian để quan tâm chăm sóc lẫn nhau tình cảm phai nhạt dần. Nay Bà P khởi kiện xin ly hôn và ông S cũng đồng ý ly hôn đối với Bà P.

Nhận thấy cả hai người tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà P.

[4] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, Bà P, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0003865 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 470, Điều 474, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc xin ly hôn, xử cho bà P được ly hôn với ông S.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và Bà P, ông S không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0003865 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà P đã nộp đủ.

Bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Vĩnh Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ngọc Tươi

Nguyễn Văn Luông

Phạm Công Mười